



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệm Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 53. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo soát xét số: 15-01-340



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		881.623.255.351	923.975.212.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	50.191.527.664	116.564.985.427
Tiền	111		41.691.527.664	73.564.985.427
Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	43.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	23.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.576.609.190	303.719.650.061
Phải thu khách hàng	131	8	308.870.314.705	279.440.684.290
Trả trước cho người bán	132		52.825.762.821	10.846.578.735
Phải thu khác	136	9	14.001.485.509	14.148.740.554
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.120.953.845)	(716.353.518)
Hàng tồn kho	140	10	402.325.534.914	454.522.257.571
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.529.583.583	49.168.319.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.255.757.812	2.780.758.718
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.247.260.571	46.387.560.956
Thuế phải thu Nhà nước	153		26.565.200	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		783.396.222.469	815.877.278.213
Tài sản cố định	220		743.203.284.564	699.437.963.235
Tài sản cố định hữu hình	221	11	743.203.284.564	699.437.963.235
<i>Nguyên giá</i>	222		1.417.381.926.864	1.329.857.047.088
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(674.178.642.300)	(630.419.083.853)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		889.772.808	889.772.808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(889.772.808)	(889.772.808)
Bất động sản đầu tư	230	13	468.291.779	582.943.397
<i>Nguyên giá</i>	231		26.436.678.414	26.436.678.414
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(25.968.386.635)	(25.853.735.017)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	84.584.761.568
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	-	84.584.761.568
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	23.123.019.877	19.229.971.833
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		13.023.019.877	9.561.206.962
Đầu tư dài hạn khác	258		10.100.000.000	10.350.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(681.235.129)
Tài sản dài hạn khác	260		16.601.626.249	12.041.638.180
Chi phí trả trước dài hạn	261		16.254.376.833	11.694.388.764
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31(a)	55.249.416	55.249.416
Tài sản dài hạn khác	268		292.000.000	292.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.665.019.477.820	1.739.852.490.946

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.083.196.179.069	1.172.525.696.919
Nợ ngắn hạn	310		864.401.734.989	929.088.211.132
Phải trả người bán	311	15	148.309.290.411	150.048.044.961
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.640.692.555	5.964.584.579
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.620.512.802	8.010.355.454
Phải trả người lao động	314		48.653.393.601	58.660.528.497
Chi phí phải trả	315		1.046.646.366	1.193.109.923
Phải trả khác	319	17	4.720.195.374	58.418.663.493
Vay ngắn hạn	320	18(a)	631.771.874.231	639.567.706.225
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.639.129.649	7.225.218.000
Nợ dài hạn	330		218.794.444.080	243.437.485.787
Phải trả dài hạn khác	337		240.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	218.554.444.080	243.227.485.787
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		581.823.298.751	567.326.794.027
Vốn chủ sở hữu	410	19	581.823.298.751	567.326.794.027
Vốn cổ phần	411	20	210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	66.203.825.426	64.385.643.778
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	634.786.078
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		233.277.729.755	216.850.348.622
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		204.181.134.171	172.295.626.823
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.096.595.584	44.554.721.799
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		69.279.016.297	72.393.288.276
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.665.019.477.820	1.739.852.490.946

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2015



Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.158.861.336.290	1.125.614.255.951
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	183.933.652	3.097.704.942
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	1.158.677.402.638	1.122.516.551.009
Giá vốn hàng bán	11	25	1.017.663.888.893	978.832.132.616
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		141.013.513.745	143.684.418.393
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.421.606.543	2.746.933.688
Chi phí tài chính	22	27	23.985.390.967	9.145.106.796
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.994.136.710</i>	<i>7.905.542.565</i>
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		486.812.915	1.177.293.932
Chi phí bán hàng	25		15.468.844.923	15.124.361.443
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		56.926.844.155	55.849.183.049
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		48.540.853.158	67.489.994.725
Thu nhập khác	31	28	15.349.534.629	9.996.828.546
Chi phí khác	32	29	16.051.128.271	8.843.957.806
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(701.593.642)	1.152.870.740
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.839.259.516	68.642.865.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31(b)	15.509.668.388	13.970.621.151
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.329.591.128	54.672.244.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.329.591.128	54.672.244.314
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29.096.595.584	51.673.733.450
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.232.995.544	2.998.510.864
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.247	2.584

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	47.839.259.516	68.642.865.465
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	52.739.051.068	29.274.659.394
Các khoản dự phòng	03	(276.634.802)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.221.956.494	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.987.154.885)	(2.830.339.806)
Chi phí lãi vay	06	14.994.136.710	7.905.542.565
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	119.530.614.101	102.992.727.618
Biến động các khoản phải thu	09	(55.830.539.811)	(222.538.675.577)
Biến động hàng tồn kho	10	52.161.822.664	14.177.035.064
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(6.514.664.509)	24.830.985.281
Biến động chi phí trả trước	12	(7.258.818.829)	(1.542.660.622)
		102.088.413.616	(82.080.588.236)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.994.136.710)	(7.905.542.565)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.231.362.177)	(17.721.457.033)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.159.174.755)	(922.369.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	68.718.739.974	(108.629.956.864)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(20.083.856.098)	(72.684.014.085)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.005.978.182	382.588.183
Tiền mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	(15.100.000.000)
Tiền bán công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	29.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		959.254.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.063.810.847	3.421.371.581
Mất quyền kiểm soát công ty con			(2.103.681.422)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(39.658.494.491)	(54.880.054.321)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	11.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		883.224.632.461	799.994.700.347
Tiền trả nợ gốc vay	34		(922.104.902.368)	(569.409.093.159)
Tiền trả cổ tức	36		(56.589.607.900)	(34.229.487.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(95.469.877.807)	207.356.119.688
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(66.409.632.324)	43.846.108.503
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		116.564.985.427	57.578.076.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.174.561	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	50.191.527.664	101.424.184.788

Người lập:

Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người duyệt:


Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 210.000.000.000 VND.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Tên	Địa chỉ		30/6/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty con		Hợp nhất		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	58,55%
Công ty liên doanh, liên kết		Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng (*)	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	35,00%	60,00%
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	20,00%	20,00%

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty mất quyền kiểm soát Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng do không còn nắm giữ quyền tỷ lệ biểu quyết trên 50% và do đó không còn nắm giữ điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con này. Không có sự thay đổi về tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 3.602 nhân viên (1/1/2015: 3.614 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (thuyết minh 4(a));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(b));
- Lợi thế thương mại (thuyết minh số 4(n)); và
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh số 4(x)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với công ty liên doanh được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên hoặc các công ty con có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) *Doanh thu*

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(q) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm 139 VND.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(w) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

5. Mất quyền kiểm soát tại một công ty con

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty mất quyền kiểm soát Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng do không còn nắm giữ tỷ lệ biểu quyết trên 50% và do đó không còn nắm giữ quyền điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con này.

Việc mất quyền kiểm soát này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.103.681.422
Các khoản phải thu	2.157.939.439
Hàng tồn kho	34.899.993
Tài sản ngắn hạn khác	492.502.485
Tài sản cố định	6.687.412.494
Tài sản dài hạn khác	223.831.666
Nợ phải trả ngắn hạn	(2.700.267.499)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	9.000.000.000
	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	767.831.596	693.201.291
Tiền gửi ngân hàng	40.923.696.068	72.871.784.136
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	43.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	50.191.527.664	116.564.985.427
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi với lãi suất 5,5% một năm (1/1/2015: không).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		9.873.019.877	-	(*)	-	50,00%		9.561.206.962	-	(*)
▪ Công ty liên kết												
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	35,00%	35,00%	3.150.000.000	-	(*)	-	-	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<u>13.023.019.877</u>	-	(*)				<u>9.561.206.962</u>	-	(*)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2015					1/1/2015						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	-	-		-	-	(*)	75.000	3,36%		750.000.000	681.235.129	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)	500.000	5,00%		5.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)
				10.100.000.000	-	(*)				10.350.000.000	681.235.129	(*)
				23.123.019.877	-	(*)				19.911.206.962	681.235.129	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.561.206.962	11.516.798.225
Tăng trong kỳ/năm	3.150.000.000	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	486.812.915	2.469.408.737
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(175.000.000)	(425.000.000)
Cổ tức đã chia	-	(4.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	13.023.019.877	9.561.206.962

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Hyopshin	31.679.525.968	7.683.896.880
Supreme International LLC	30.088.985.753	22.811.541.942
Tunica Fareast Ltd	16.905.844.701	28.898.570.094
Các khách hàng khác	230.195.958.283	220.046.675.374
	<hr/>	<hr/>
	308.870.314.705	279.440.684.290

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngắn hạn	308.870.314.705	279.440.684.290

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	1.632.065.848	1.017.340.514
Các bên liên quan khác	15.161.705.733	2.177.993.376
	<hr/>	<hr/>
	16.793.771.581	3.195.333.890
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu công ty liên doanh và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	5.101.940.000	700.000.000
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	2.800.922.000	4.880.922.000
Ký cược, ký quỹ	2.562.856.604	5.136.055.054
Tạm ứng	1.653.144.524	1.870.432.265
Lãi phải thu	173.683.334	280.900.000
Phải thu khác	1.708.939.047	1.280.431.235
	<hr/>	<hr/>
	14.001.485.509	14.148.740.554
	<hr/>	<hr/>

10. Hàng tồn kho

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.006.397.920	26.070.005.157
Nguyên vật liệu	114.814.166.646	100.146.565.466
Công cụ và dụng cụ	62.278.472	52.982.898
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.530.318.034	57.672.127.362
Thành phẩm	213.125.868.611	232.314.831.046
Hàng hóa	478.442.995	23.179.083.600
Hàng gửi đi bán	16.308.062.236	15.086.662.042
	<hr/>	<hr/>
	402.325.534.914	454.522.257.571
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	203.784.350.111	1.110.853.199.305	14.197.842.966	1.021.654.706	1.329.857.047.088
Tăng trong kỳ	-	7.370.498.000	-	-	7.370.498.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.624.523.859	90.673.595.807	-	-	97.298.119.666
Thanh lý	-	(7.141.321.310)	(3.045.475.900)	-	(10.186.797.210)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(1.926.811.636)	(5.030.129.044)	-	-	(6.956.940.680)
Số dư cuối kỳ	208.482.062.334	1.196.725.842.758	11.152.367.066	1.021.654.706	1.417.381.926.864
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	90.177.618.410	530.562.297.469	8.958.579.184	720.588.790	630.419.083.853
Khấu hao trong kỳ	5.473.878.592	46.317.166.773	773.384.355	59.969.730	52.624.399.450
Thanh lý	-	(6.855.265.175)	(1.740.047.642)	-	(8.595.312.817)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(22.877.023)	(246.651.163)	-	-	(269.528.186)
Số dư cuối kỳ	95.628.619.979	569.777.547.904	7.991.915.897	780.558.520	674.178.642.300
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	113.606.731.701	580.290.901.836	5.239.263.782	301.065.916	699.437.963.235
Số dư cuối kỳ	112.853.442.355	626.948.294.854	3.160.451.169	241.096.186	743.203.284.564

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 277.030 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 283.712 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 419.478 triệu VND (1/1/2015: 39.938 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy vi tính đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	25.853.735.017
Khấu hao trong kỳ	114.651.618
Số dư cuối kỳ	25.968.386.635
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	582.943.397
Số dư cuối kỳ	468.291.779

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	84.584.761.568	5.251.033.455
Tăng trong kỳ	12.713.358.098	68.310.548.366
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(97.298.119.666)	(23.737.451.005)
Số dư cuối kỳ	-	49.824.130.816

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Timtex Enterprise	-	-	14.166.205.085	14.166.205.085
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	35.784.341.866	35.784.341.866	26.852.700.236	26.852.700.236
Tunica Fareast Ltd	26.734.303.167	26.734.303.167	32.462.832.392	32.462.832.392
Các nhà cung cấp khác	85.790.645.378	85.790.645.378	76.566.307.248	76.566.307.248
	148.309.290.411	148.309.290.411	150.048.044.961	150.048.044.961

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	148.309.290.411	148.309.290.411	150.048.044.961	150.048.044.961

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	35.784.341.866	35.784.341.866	26.865.918.743	26.865.918.743

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	980.558.659	81.500.943.704	(3.866.633.366)	(78.614.868.997)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	193.747.599	(209.646.999)	-	(15.899.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.151.825	15.509.668.388	(14.231.362.177)	-	7.478.458.036
Thuế thu nhập cá nhân	809.001.410	2.625.884.637	(3.292.831.281)	-	142.054.766
Thuế tài nguyên	20.643.560	75.456.360	(106.765.720)	-	(10.665.800)
Tiền thuế đất	-	4.710.045.996	(4.710.045.996)	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	8.010.355.454	104.621.746.684	(26.423.285.539)	(78.614.868.997)	7.593.947.602

17. Phải trả khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	1.374.660.809	813.644.148
Bảo hiểm xã hội	1.557.560.679	-
Cổ tức phải trả	294.107.100	55.633.715.000
Các khoản phải trả khác	1.493.866.786	1.971.304.345
	4.720.195.374	58.418.663.493

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	626.803.653.745	626.803.653.745	872.862.527.462	(913.803.590.031)	585.862.591.176	585.862.591.176
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	12.764.052.480	12.764.052.480	39.501.283.055	(6.356.052.480)	45.909.283.055	45.909.283.055
	639.567.706.225	639.567.706.225	912.363.810.517	(920.159.642.511)	631.771.874.231	631.771.874.231

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (*)</i>				
Khoản vay 1	VND	4,5% - 5,0%	115.501.226.446	103.006.480.551
Khoản vay 2	USD	2,1%	78.996.058.820	93.971.692.368
Khoản vay 3	USD	2,2%-2,8%	73.870.648.155	91.410.324.574
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>				
Khoản vay 6	VND	-	-	12.364.848.880
Khoản vay 7	USD	2,1%	40.618.883.283	34.503.738.343
Khoản vay 8	VND	5,0%	68.696.608.379	105.414.902.270
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>				
Khoản vay 9	USD	-	-	19.746.530.535
Khoản vay 10	VND	-	-	24.102.939.634
Khoản vay 11	USD	-	-	24.806.791.080
<i>Ngân hàng ANZ</i>				
Khoản vay 12	USD	2,1%-2,7%	41.294.163.110	19.865.974.994
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam</i>				
Khoản vay 13	USD	2,1%-2,3%	8.146.756.222	17.372.392.380
Khoản vay 14	USD	2,2%	14.475.155.566	17.405.129.636
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>				
Khoản vay 15	USD	2,3%-2,5%	13.629.443.620	33.614.299.284
<i>Ngân hàng Far East National Bank CN TP.HCM</i>				
Khoản vay 16	USD	2,0%	9.510.329.916	29.217.609.216
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam</i>				
Khoản vay 17	VND	4,5% - 4,7%	8.277.459.002	-
<i>NHTMCP Công thương Việt Nam</i>				
Khoản vay 18	VND	4,0%	112.845.858.657	-
			585.862.591.176	626.803.653.745

(*) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 237.090 triệu VND (1/1/2015: 39.938 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	264.463.727.135	255.991.538.267
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(45.909.283.055)	(12.764.052.480)
	218.554.444.080	243.227.485.787

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	(năm)	Năm	30/6/2015	1/1/2015
				đáo	VND	VND
				hạn		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>						
Khoản vay 1	USD	-		-	-	1.945.259.857
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)</i>						
Khoản vay 2	USD	4,0% - 4,5%		2020	131.361.727.135	117.394.225.930
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>						
Khoản vay 3	USD	4,3%		2022	133.102.000.000	136.652.052.480
					264.463.727.135	255.991.538.267

(*) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 182.388 triệu VND (1/1/2015: không) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 - đã báo cáo trước đây</i>	200.000.000.000	2.172.727.273	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	182.656.703.000	62.833.604.205	510.968.280.390
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 35)</i>	-	-	6.722.903.277	(6.722.903.277)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 – đã phân loại lại	200.000.000.000	2.172.727.273	62.670.459.834	-	634.786.078	182.656.703.000	62.833.604.205	510.968.280.390
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	51.673.733.450	2.998.510.864	54.672.244.314
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	1.715.183.944	-	-	(1.715.183.944)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.645.892.233)	(476.604.267)	(9.122.496.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	64.385.643.778	-	634.786.078	223.969.360.273	65.355.510.802	556.518.028.204

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	64.385.643.778	-	634.786.078	223.969.360.273	65.355.510.802	556.518.028.204
Phát hành cổ phiếu	10.000.000.000	890.000.000	-	-	-	-	-	10.890.000.000
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	5.850.000.000	5.850.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	44.130.988.349	5.397.777.474	49.528.765.823
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(4.210.000.000)	(55.460.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	64.385.643.778	-	634.786.078	216.850.348.622	72.393.288.276	567.326.794.027
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	29.096.595.584	3.232.995.544	32.329.591.128
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	1.818.181.648	-	-	(1.818.181.648)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.235.818.881)	(497.267.523)	(10.733.086.404)
Hoàn nhập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu vào lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	(634.786.078)	634.786.078	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(1.250.000.000)	-	(1.250.000.000)
Mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.850.000.000)	(5.850.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	-	-	233.277.729.755	69.279.016.297	581.823.298.751

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Trong cuộc họp ngày ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã đề xuất phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014, trong đó Công ty đã tạm trích 51.250 triệu VND trong năm 2014 theo biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 12 năm 2014.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	171.743	3.747.432.260	1.557.893	33.276.594.480

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	874.287.639.872	810.408.629.030
▪ Bán hàng hóa	274.621.691.088	304.660.218.532
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	4.257.238.868	5.128.820.910
▪ Cung cấp dịch vụ	5.694.766.462	5.416.587.479
	<u>1.158.861.336.290</u>	<u>1.125.614.255.951</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(79.001.678)
▪ Hàng bán bị trả lại	(96.799.536)	(2.926.753.187)
▪ Chiết khấu thương mại	(87.134.116)	(91.950.077)
	<u>(183.933.652)</u>	<u>(3.097.704.942)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.158.677.402.638</u>	<u>1.122.516.551.009</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	739.415.583.919	676.967.990.590
▪ Hàng hoá đã bán	272.898.480.322	296.988.500.771
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	292.188.504	96.232.982
▪ Dịch vụ đã cung ứng	5.057.636.148	4.779.408.273
	<hr/>	<hr/>
	1.017.663.888.893	978.832.132.616
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	-	16.177.778
▪ Ngân hàng	876.594.181	1.311.626.364
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	634.145.905	1.156.086.392
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	209.254.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.701.612.457	263.043.154
	<hr/>	<hr/>
	3.421.606.543	2.746.933.688
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	14.994.136.710	7.905.542.565
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(681.235.129)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	9.672.172.832	1.239.564.231
Chi phí tài chính khác	316.554	-
	<hr/>	<hr/>
	23.985.390.967	9.145.106.796
	<hr/>	<hr/>

28. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Bán phế liệu	11.769.428.922	6.412.514.396
Lãi thanh lý tài sản cố định hữu hình	414.493.789	382.588.183
Thu phí tiền điện từ các công ty liên quan	943.424.593	960.264.920
Thu nhập khác	2.222.187.325	2.241.461.047
	<hr/>	<hr/>
	15.349.534.629	9.996.828.546
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	605.038.861	551.115.083
Chi phí bán phế liệu	11.197.785.751	6.137.234.047
Chi phí phạt	2.429.759.485	-
Chi phí khác	1.818.544.174	2.155.608.676
	<hr/>	<hr/>
	16.051.128.271	8.843.957.806
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	818.378.810.910	788.281.587.510
Chi phí nhân công	164.436.664.450	160.353.557.645
Chi phí khấu hao	52.739.051.068	29.274.659.394
Chi phí khác	111.718.825.893	92.346.355.176
	<hr/>	<hr/>

31. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tài sản cố định	55.249.416	55.249.416
	<hr/>	<hr/>

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.680.296.704	13.970.621.151
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.829.371.684	-
	<hr/>	<hr/>
	15.509.668.388	13.970.621.151
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	47.839.259.516	68.642.865.465
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.567.851.903	13.771.275.163
Chi phí không được khấu trừ thuế	993.362.472	172.395.271
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	216.444.912	280.009.503
Thu nhập không bị tính thuế	(97.362.583)	(253.058.786)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.829.371.684	-
	15.509.668.388	13.970.621.151

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% (2013:25%) trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 22%.

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (2013: 25%) trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 22%.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 26.186.936.026 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 51.673.733.450 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.000.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	29.096.595.584	51.673.733.450
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.909.659.558)	-
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.186.936.026	51.673.733.450

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	21.000.000	20.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	49.423.696.068	115.871.784.136
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	23.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	321.750.846.369	292.873.071.326
		<hr/>	<hr/>
		394.174.542.437	408.744.855.462

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày như các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 0,6% đến 0,9%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp	Dự phòng phải thu
	30/6/2015	khó đòi
	VND	30/6/2015
		VND
Trong hạn	210.605.729.621	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	77.102.822.080	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	33.083.261.672	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.079.986.841	(1.120.953.845)
	322.871.800.214	(1.120.953.845)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Gộp 1/1/2015 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 1/1/2015 VND
Trong hạn	223.708.583.263	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	35.631.709.479	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	31.950.795.661	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.298.336.441	(716.353.518)
	293.589.424.844	(716.353.518)

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	716.353.518	820.614.506
Tăng dự phòng trong kỳ	404.600.327	-
	1.120.953.845	820.614.506

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	148.309.290.411	148.309.290.411	148.309.290.411	-	-	-
Phải trả người lao động	48.653.393.601	48.653.393.601	48.653.393.601	-	-	-
Chi phí phải trả	1.046.646.366	1.046.646.366	1.046.646.366	-	-	-
Phải trả khác	4.720.195.374	4.720.195.374	4.720.195.374	-	-	-
Vay ngắn hạn	585.862.591.176	592.216.169.954	592.216.169.954	-	-	-
Vay dài hạn	264.463.727.135	295.183.394.285	56.372.581.202	60.734.774.057	168.970.068.137	9.105.970.889
	1.053.055.844.063	1.090.129.089.991	851.318.276.908	60.734.774.057	168.970.068.137	9.105.970.889

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	150.048.044.961	150.048.044.961	150.048.044.961	-	-	-
Phải trả người lao động	58.660.528.497	58.660.528.497	58.660.528.497	-	-	-
Chi phí phải trả	1.193.109.923	1.193.109.923	1.193.109.923	-	-	-
Phải trả khác	58.418.663.493	58.418.663.493	58.418.663.493	-	-	-
Vay ngắn hạn	626.803.653.745	638.022.997.330	638.022.997.330	-	-	-
Vay dài hạn	255.991.538.267	290.199.186.867	39.267.554.546	111.223.086.209	133.089.200.779	6.619.345.333
	1.151.115.538.886	1.196.542.531.071	945.610.898.750	111.223.086.209	133.089.200.779	6.619.345.333

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của các đơn vị Tập đoàn, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.743	1.557.893
Phải thu khách hàng	4.963.687	6.091.810
Phải trả người bán	(2.635.166)	(3.137.609)
Vay ngắn hạn	(12.908.941)	(17.893.986)
Vay dài hạn	(12.120.244)	(11.984.431)
	(22.528.921)	(25.366.323)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tỷ giá mua – 1 USD	21.780	-
Tỷ giá bán – 1 USD	21.820	21.360

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(3.934.291.787)
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(4.226.232.342)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	43.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	-
	31.500.000.000	43.000.000.000
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	40.923.696.068	72.871.784.136
Vay ngắn hạn	(585.862.591.176)	(626.803.653.745)
Vay dài hạn	(264.463.727.135)	(255.991.538.267)
	(809.402.622.243)	(809.923.407.876)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 6.475.220.978 VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2014: 6.317.402.581 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Bán thành phẩm	-	15.214.300	-	-
Mua hàng hóa	-	9.663.733	-	-
Mua dịch vụ	-	140.448.000	-	-
Thu nhập cho thuê	750.000.000	750.000.000	-	-
Thu nhập khác	1.301.372.746	1.351.707.292	1.632.065.848	1.017.340.514
Thu nhập cổ tức	-	-	2.800.922.000	3.800.922.000
Mua hàng hóa	139.613.760	-	-	-
Cho vay	-	4.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	-	1.515.464.300	-	-
Mua hàng hóa	-	6.130.175.053	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	51.910.415.359	107.146.884.404	7.847.609.655	-
Bán dụng cụ và phụ tùng	2.562.631.510	4.211.302.660	-	-
Thu nhập cho thuê	2.530.022.728	2.938.090.910	-	-
Thu nhập khác	393.303.870	461.206.099	-	-
Mua hàng hóa	228.983.028.395	207.655.361.102	(35.784.341.866)	(26.852.700.236)
Lãi trả chậm	384.894.168	647.879.178	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	1.080.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phí thành viên	-	70.000.000	-	-
Phân phối cổ tức	-	-	-	(24.637.500.000)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	trong giai đoạn sáu tháng		30/6/2015	1/1/2015
	30/6/2015	30/6/2014	VND	VND
	VND	VND		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	20.028.770.540	2.934.467.200	6.124.058.666	1.094.025.798
Doanh thu gia công	160.450.500	-	-	-
Dịch vụ gia công	124.660.625	-	-	-
Công ty Cổ phần Len Việt Nam				
Bán thành phẩm	-	67.244.450	-	460.715.933
Mua hàng hóa	580.561.174	-	-	(5.218.125)
Dịch vụ gia công	-	26.065.600	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	-	493.550.500	-	-
Mua hàng hóa	-	1.428.205.766	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	-	455.159.472	-	-
Doanh thu gia công	396.047.675	136.737.175	28.684.500	122.715.834
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	1.356.285.900	1.788.532.950	635.557.065	379.299.300
Doanh thu gia công	5.682.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	266.095.000	404.400.000	-	-
Doanh thu gia công	-	935.646.980	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú				
Doanh thu gia công	224.702.220	-	8.781.052	122.715.834
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang				
Bán thành phẩm	1.401.280.525	1.751.191.118	517.014.795	123.149.400
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc				
và Ban quản lý				
Lương và thưởng	3.017.708.847	1.857.399.260	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Phải thu khác	14.148.740.554	7.142.253.235
Tài sản ngắn hạn khác	-	7.019.458.552
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.010.355.454	8.023.326.687
Quỹ dự phòng tài chính	-	6.939.295.571
Quỹ đầu tư và phát triển	64.385.643.778	57.446.348.207

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc